

TRIỂN VỌNG NGHIÊN CỨU VIỆT NAM HỌC

VIETNAMESE STUDIES AND ITS POTENTIAL

*Dương Ngọc Dũng**

Năm 1991, lần đầu tiên tôi có cơ hội tiếp xúc với ngành Việt Nam học khi đảm nhiệm công tác phiên dịch trong Hội nghị “Tìm hiểu viễn cảnh lịch sử Việt Nam” được tổ chức tại Văn phòng 2 Bộ Đại học. Trong số bốn mươi giáo sư Mỹ, có sự hiện diện của Keith Taylor, một nhà sử học nổi tiếng chuyên về lịch sử Việt Nam, tác giả của *Sự khai sinh nước Việt (The Birth of Vietnam)*. Nội dung cuộc hội thảo xoay quanh những vấn đề chung chung về lịch sử Việt Nam, tuy không có những cuộc thảo luận sôi nổi, hào hứng, nhưng khiến tôi rút ra hai nhận xét: *thứ nhất*, về mặt công tác phiên dịch, cần phải am hiểu lịch sử Việt Nam, ít nhất là những sự kiện căn bản, để có thể theo dõi và thực hiện công tác phiên dịch đến mức tối ưu; *thứ hai*, cuộc hội thảo thúc đẩy bản thân tôi quan tâm đến lịch sử Việt Nam, một lãnh vực mà trước đây tôi chỉ có những kiến thức tản mạn, thiếu tập trung. Khi sang Mỹ năm 1993, ngoài việc học tập trong lãnh vực chuyên ngành là Phật học, tôi cố gắng tìm hiểu và đọc thêm các nhà Việt Nam học tại phương Tây như Hồ Đới Huệ Tâm, Ngô Vĩnh Long, Lương Văn Hy, Huỳnh Kim Khánh, David Marr, Alexander Woodside, John K. Whitmore, Robert Smith, Oliver W. Wolters, Keith F. Taylor, Stephen O’Harrow, William Duiker, Joseph Buttinger, Bernard Fall, tất cả đều là nhà sử học, trừ GS Lương Văn Hy chuyên ngành nhân học (anthropology). Khi được mời giảng về chiến tranh Việt Nam tại Đại học Wellesley năm 1999, tôi có cơ hội đọc thêm các tác giả viết về cuộc chiến tranh gây tranh luận nhiều nhất trong lịch sử hiện đại Mỹ như Marilyn B. Young, Stanley Karnow, Robert MacNamara, George Herring, Milton Leitenberg, Richards Dean Burns, v.v. Do đó, “Việt Nam học” đối với tôi hoàn toàn đồng nghĩa với “lịch sử Việt Nam” nói chung. Gần đây, khởi sự từ năm 1997, khi Viện Harvard-Yenching, dưới sự điều hành của Giáo sư Đỗ Duy Minh (Tu Weiming) tiến hành tổ chức hội thảo về Nho giáo Việt Nam, danh xưng “Việt Nam học” đối với tôi được mở rộng thêm, bao gồm cả mảng tư tưởng triết học. Bao nhiêu câu hỏi thú vị nảy sinh: Việt Nam thực sự có triết học? Chân dung của Nho giáo Việt Nam như thế nào? Chiến tranh Việt Nam (1954-1975) có thuộc lãnh vực Việt Nam học? Còn thi ca Nguyễn Du hay *Khóa hư lục* của Trần Thái Tông có thể xếp vào phạm trù “Việt Nam học”? Gần đây, năm 1994, một nhóm thức giả Việt Kiều xuất bản một tập sách có tựa đề *Việt Nam: Đệ ngũ thiên kỷ* (Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Mỹ xuất bản) để viết về những đề tài như: triết học Việt Nam (Trần Văn Đoàn), truyền thống tâm linh Việt Nam (Kim Định), ảnh quê hương (Trần Cao Lĩnh), nhạc quê hương (Phạm Duy), Truyện Kiều (Trần Minh Xuân & Nguyễn Thùy), giáo dục phổ thông Việt Nam (Nguyễn Ngọc Bích), kinh thiêng Việt tộc (Trần Cao Tường), biên cương nước cổ Việt (Trần Đại Sỹ). Chắc chắn các tác giả nói trên khi được hỏi sẽ nhận rằng lãnh vực nghiên cứu của họ chính là Việt

* Tiến sĩ, Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG-HCM.

Nam học. Thế có nghĩa là Việt Nam học là một đề tài nghiên cứu quá rộng, không có nội dung cụ thể, xác định, mà có thể là bất cứ đề tài gì có dính líu xa gần đến lịch sử, văn hóa, văn minh Việt. Tính chất tổng hợp này được thể hiện rõ trong tác phẩm *Cơ sở văn hóa Việt Nam* của Trần Ngọc Thêm. Thậm chí, Campuchia và Lào cũng có thể tham gia vào lãnh vực Việt Nam học vì luôn luôn có quan hệ chặt chẽ với Việt Nam trong thế cộng sinh trên bán đảo Đông Dương. Để giới hạn phạm vi thảo luận trong một đề tài quá bao quát như vậy, chúng tôi chỉ xin nhận xét về hai mảng lớn: lịch sử Việt Nam và tư tưởng Việt Nam.

Khi các học giả tại Hoa Kỳ viết lịch sử Việt Nam, họ cơ bản là theo truyền thống sử học cũ, phương pháp chủ yếu vẫn là sử dụng các thư viện lưu trữ và như thế vẫn không đi ra ngoài quỹ đạo nghiên cứu của các sử gia tại Việt Nam. Chẳng hạn, Keith Taylor, giáo sư Đại học Cornell, chuyên về sử Việt Nam thời tiền hiện đại (premodern). Tác phẩm *Sự khai sinh nước Việt* của ông là một tác phẩm tiêu biểu, trong đó các dữ kiện lịch sử chính được trình bày hoàn toàn căn cứ trên các tư liệu Việt Nam. Hue Tam Ho Tai (tức Hồ Đới Huệ Tâm), giáo sư Đại học Harvard, tập trung vào yếu tố tôn giáo và chính trị trong lịch sử Việt Nam cận đại. Alexander Woodside cũng theo khuynh hướng này, kết hợp lịch sử thuần túy và lịch sử tư tưởng (intellectual history). Trong tác phẩm *Việt Nam và mô hình Trung Hoa (Vietnam and the Chinese Model)* ông cố gắng chứng minh rằng hệ thống tư tưởng đời Nguyễn hoàn toàn là một hệ thống du nhập từ Trung Hoa đời Thanh. David Marr chuyên về giai đoạn thực dân Pháp và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như các đảng phái quốc gia khác trong giai đoạn khoảng 1930-1945. John K. Whitmore chuyên về lịch sử tư tưởng, tập trung nghiên cứu Nho giáo đời Lê (luận án tiến sĩ của ông về đề tài này vẫn chưa được xuất bản)¹. Oliver W. Wolters chuyên về sử luận (historiography), tập trung vào các sử gia lớn như Ngô Sĩ Liên, Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên. Giáo sư Ngô Vĩnh Long, dạy Đại học Maine, với tác phẩm nổi tiếng *Thời kỳ trước Cách mạng (Before the Revolution)*, đi sâu nghiên cứu vấn đề nông dân và sở hữu ruộng đất trong thời phong kiến và thời Pháp thuộc. Gần đây, đã có khá nhiều các tên tuổi mới tham gia vào mảng lịch sử Việt Nam, chẳng hạn Peter Zinoman, giáo sư Đại học Berkeley, chuyên nghiên cứu về “nhật ký nhà tù” (prison memoirs) trong lịch sử đấu tranh cách mạng Việt Nam. Nora A. Taylor đi sâu nghiên cứu ngành hội họa Việt Nam trong thời kỳ Cách mạng với các họa sĩ nổi danh như Tô Ngọc Vân, Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái. Jayne Werner nghiên cứu đạo Cao Đài. Christoph Giebel, trong luận án tiến sĩ trình tại Cornell năm 1996, nghiên cứu tiểu sử Tôn Đức Thắng và đến tận làng Mỹ Hòa Hưng tỉnh An Giang (quê hương bác Tôn) để thu thập tư liệu từ góc độ điền dã dân tộc học. John Kleinen, một sử gia người Hòa Lan rất quen thuộc với giới sử học Việt Nam, cũng theo phương pháp này. Nhân đây cũng nhắc thêm, sử

¹ Độc giả muốn hiểu rõ hơn về hình thái Khổng giáo tại Việt Nam có thể đọc bản dịch tiếng Việt do Ngô Bắc thực hiện từ bài luận của John K. Whitmore trong Tạp chí nghiên cứu *The Vietnam Forum* do Đại học Yale xuất bản năm 1987 (số 9, Winter-Spring, tr.49-65), “From Classical Scholarship to Confucian Belief in Vietnam,” bản trên mạng tại địa chỉ: <http://www.gio-o.com/NgoBac/NgoBacJohnKWhitmoreKhongHoc.htm>. Gần đây John Whitmore tiếp tục có bài viết về tôn giáo và lễ nghi ở triều chính Đại Việt (*Religion and Ritual in the Royal Court of Đại Việt*), toàn văn tiếng Anh có thể đọc tại trang nhà của Đại học Quốc gia Singapore ở địa chỉ http://www.ari.nus.edu.sg/docs/wps/wps09_128.pdf, Trung tâm Nghiên cứu Châu Á ARI xuất bản năm 2009.

gia nổi tiếng William Duiker vừa cho tung ra một cuốn sách dày cộm viết về tiểu sử Bác Hồ được bình luận và tán thưởng nồng nhiệt trong giới sử học Mỹ. Các sử gia thế hệ sau như Peter Zinoman, Nora A. Taylor, Christoph Giebel, Shaun Malarney, đều chia sẻ một điểm chung là chịu ảnh hưởng sâu đậm của tư tưởng triết học hậu hiện đại (postmodernism), do đó, ngôn ngữ trình bày của họ không phải dễ hiểu và thuần sự kiện như khi đọc Keith Taylor hay David Marr trước đây. Ưu điểm lớn nhất trong tác phẩm biên khảo của các nhà sử học Mỹ vẫn là phân suu khảo và chú thích nguồn tư liệu hết sức cẩn trọng. Khuynh hướng gần đây của các học giả Mỹ là sang tận Việt Nam để phỏng vấn ngay các nhân vật lịch sử có dính líu trực tiếp đến lịch sử Việt Nam hiện đại. Thao tác phỏng vấn (interview) nhằm bổ sung các dữ kiện lịch sử bằng cái nhìn của người trong cuộc. Bằng cách bố trí song song những cái nhìn khác nhau, thậm chí tương phản nhau, về cùng một biến cố lịch sử, nhà sử học cho thấy tính chất phức tạp, đa diện của chính biến cố và nhấn mạnh yếu tố giải thích trong khâu sử học.

Về lãnh vực tư tưởng Việt Nam, giới học giả Mỹ vẫn còn khá rụt rè, chưa có nhiều tác phẩm đột phá, cũng như số lượng tác phẩm không phong phú như các tác phẩm sử học. Dĩ nhiên các sử gia phương Tây khi bàn về lịch sử Việt Nam cũng có nhắc sơ qua những yếu tố tư tưởng tôn giáo trong văn hóa Việt Nam như đạo thờ cúng tổ tiên, Nho giáo, hay Phật giáo, nhưng tất cả chỉ lướt trên bề mặt, đề cập đến các yếu tố tổng quát hơn là đi sâu phân tích một vấn đề cụ thể. Cần nhắc đến vai trò quan trọng của tờ *Vietnam Review* do Huỳnh Sanh Thông chủ biên trong việc phổ biến lịch sử văn minh, văn hóa Việt trong cộng đồng học thuật Mỹ. Các tác giả Mỹ như Keith Taylor, Stephen Young, hay học giả Việt Nam như Nguyễn Ngọc Huy cũng tham gia tích cực cho tờ tạp chí này. Huỳnh Sanh Thông nổi tiếng nhờ dịch *Truyện Kiều* sang tiếng Anh. Các sử gia Mỹ luôn luôn sử dụng bản dịch của ông khi nhắc đến *Truyện Kiều*. Ông là linh hồn của tờ *Vietnam Review*. Bài nghiên cứu của Keith Taylor về *Việt điện u linh tập* đầu tiên đăng tải trên tạp chí này. Stephen Young và Nguyễn Ngọc Huy cũng đóng góp những bài về Nho giáo Việt Nam. Nguyễn Ngọc Huy cũng cộng tác với luật sư Tạ Văn Tài trong việc dịch bộ luật đời Lê sang tiếng Anh, giúp các học giả phương Tây có thêm “một cửa sổ” nhìn vào tòa nhà văn hóa Việt Nam. Nguyễn Tự Cường, giáo sư Đại học George Mason (Virginia), chuyên gia về Phật Giáo, nghiên cứu và dịch *Thiền uyển tập anh* sang tiếng Anh trong tác phẩm *Thiền Việt Nam thời Trung cổ* (*Zen in Medieval Vietnam*, 1995). Philip Taylor chuyên nghiên cứu tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam đã chủ biên một loạt bài viết về đề tài này trong tác phẩm *Tính hiện đại và sự tái ma thuật hóa: Tôn giáo tại Việt Nam sau cách mạng* (*Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-Revolutionary Vietnam* 2008). Một tác phẩm khác không thể thiếu trong tủ sách Việt Nam học là *Việc in ấn và quyền lực: Phật giáo, Nho giáo và chủ nghĩa Cộng sản trong việc hình thành nước Việt Nam hiện đại* (*Print and Power: Buddhism, Confucianism, and Communism in the Making of Modern Vietnam* 2003) của Shawn F. McHale, giáo sư sử học Đại học George Washington (USA). Độc giả sẽ bắt gặp một lý giải hoàn toàn khác hẳn với các sử gia Việt Nam về việc ra đời của Việt Nam hiện đại trong tác phẩm này.

Nhìn chung, mảng nghiên cứu về tư tưởng Việt Nam tại Mỹ vẫn còn khá nghèo nàn về số lượng. Có thể tìm ra những nguyên nhân chính sau đây cho sự thiếu phát triển mảng

nghiên cứu này: *một là*, các tác giả nói trên không (hay không có cơ hội) về Việt Nam để tìm thêm nguồn tư liệu, *hai là*, hầu như không có một tiếp xúc nào giữa giới học thuật tại Việt Nam và giới học thuật tại Mỹ. Vấn đề khoảng cách cũng là vấn đề quan điểm chính trị và vấn đề ngôn ngữ. Trở ngại về quan điểm chính trị gần đây đã được hòa tan và hóa giải do chính sách đổi mới của Nhà nước, cho nên gần đây, hiện tượng các học giả từ Mỹ đến Việt Nam nghiên cứu càng ngày càng trở nên thường xuyên hơn. Trở ngại về ngôn ngữ chỉ có thể khắc phục ít nhất trong vòng mười năm nữa khi đội ngũ các nhà nghiên cứu Việt Nam về Việt Nam học có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh và các học giả Mỹ có thể sử dụng thành thạo tiếng Việt để khỏi phải thông qua khâu phiên dịch, một khâu vừa mất thì giờ, vừa là nguyên nhân của rất nhiều sự hiểu lầm, hiểu sai, khiến những người tham gia đối thoại nản chí không muốn tiếp tục thảo luận gì nữa. Các phiên dịch viên đa số là sinh viên tốt nghiệp khoa Anh và chỉ biết tiếng Anh cho nên rất mù mờ về khâu lịch sử tư tưởng, văn hóa, chính trị Việt Nam. Đặc biệt nhất là khâu phiên dịch các thuật ngữ thuộc lãnh vực quân sự như pháo B-40, máy bay tiêm kích, mũi vu hồi, máy bay cánh xòe cánh cụp, đánh cường tập, chiếm cao điểm, chống càn, binh vận, trí vận, hoạt động nội thành, đặc công, v.v., hầu như các phiên dịch viên đều “tự sáng chế” ra trong quá trình phỏng vấn hay hội thảo. Vấn đề hiểu lầm giữa hai bên là điều khó tránh khỏi và gây rất nhiều phiền toái.

Triển vọng nghiên cứu Việt Nam học tại Việt Nam đang phát triển và có nhiều khởi sắc đáng chú ý. Chẳng hạn, gần đây có nhiều công trình nghiên cứu về mảng tôn giáo, tín ngưỡng từ góc độ dân tộc học rất có giá trị, đây là một sự kiện đáng chú ý nhất trong thập niên 90 của thế kỷ XX. Thậm chí năm 1993, các nhà nghiên cứu còn tổ chức một cuộc hội thảo khoa học về tín ngưỡng thờ Bà Chúa Kho. Đã có những công trình ban đầu về tín ngưỡng ở Huế (Trần Đại Vinh), đạo Cao Đài (Lê Anh Dũng), Phật giáo (Trần Hồng Liên), Bửu Sơn Kỳ Hương (Ngô Văn Lệ),... về mảng tư tưởng đã có dấu hiệu phục hồi việc nghiên cứu Nho giáo Việt Nam qua các tác giả Phan Ngọc, Vũ Khiêu, Cao Tự Thanh, Đào Phan, Trần Văn Giàu, Nguyễn Tài Thư, Nguyễn Hùng Hậu, Hà Thúc Minh,... Những công trình Hán Nôm liên quan đến những khía cạnh hết sức chuyên môn trong lãnh vực này của Nguyễn Tài Căn, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Hoàng Thị Ngọc, Nguyễn Tuấn Cường, Trần Trọng Dương, Phạm Văn Tuấn, Ngô Trung Việt hay những công trình về tôn giáo và tín ngưỡng dân gian của Nguyễn Thị Hiền cũng không thể không nhắc đến. Chúng ta cũng không thể không nhắc đến một số công trình trước năm 1975 viết về lịch sử tư tưởng Việt Nam của Nguyễn Đăng Thục (gần đây đã được tái bản, 7 cuốn), văn minh Việt Nam của Lê Văn Siêu, triết lý Việt Nho của Kim Định, nguồn gốc dân tộc Việt của Bình Nguyên Lộc, hay những tác phẩm tiên phong của Đào Duy Anh. Tuy nhiên, các tác giả Việt Nam vẫn còn thiếu tiếp cận với các học giả cùng ngành trong khối nói tiếng Anh. Chẳng hạn, khi nghiên cứu vấn đề tôn giáo hay tư tưởng cần mở đầu bằng cách cung cấp một nền tảng lý luận, một bộ sườn khái niệm để người đọc hiểu rõ hệ thống lý luận và quan điểm của mình. Các tác giả Max Weber, Emile Durkheim, Talcott Parsons, Stanley Tambiah, Pierre Bourdieu, W. Cantwell Smith là những tác giả kinh điển cần tham khảo khi bàn về các vấn đề tôn giáo. Khi biên khảo nên hình dung trong đầu các học giả phương Tây sẽ đọc tác phẩm của mình để càng thận trọng hơn trong các phán đoán và chú thích nguồn tư liệu

chính xác. Chẳng hạn, rất dễ dàng khi viết rằng “Triết học Việt Nam đặt nền trên nhân chủ tính” nhưng câu hỏi người phương Tây đặt ra sẽ là “Khi nói đến triết học Việt Nam, bạn muốn nói ai là triết gia? Nếu có xin nêu tên và tác phẩm cụ thể. Còn nhân chủ tính là gì? Triết gia Việt Nam nào dùng thuật ngữ đó?”. Ngay cả danh xưng “tôn giáo” cũng cần được xác định nội dung cụ thể. Tục thờ mẫu ở miền Bắc là tôn giáo? Nho giáo có thể được xem là tôn giáo hay chỉ là một hệ thống luân lý? Phong trào đồng cốt cũng thuộc phạm trù “tôn giáo”? Biên giới giữa các hiện tượng này rất nhập nhằng, phức tạp, nên khi phân tích phải xác định đối tượng và nội dung nghiên cứu thật minh bạch. Điều cần thiết nhất hiện nay đối với các nhà nghiên cứu Việt Nam học có lẽ là xóa bỏ khoảng cách ngôn ngữ vẫn tồn tại giữa cộng đồng học thuật trong nước và ngoài nước. Theo thiển ý, đó là bước đầu tiên để tiến đến việc quốc tế hóa ngành Việt Nam học.

TƯ LIỆU THAM KHẢO

(Đề nghị cho từ sách Việt Nam học bằng tiếng Anh cần được phiên dịch sang Việt ngữ làm sách tham khảo)

1. Hue Tam Ho Tai (2001), “Remembered Realms: Pierre Nora and French National Memory”, đăng trong *The American Historical Review*.
2. Hue Tam Ho Tai (1983), *Millenarianism and Peasant Politics in Vietnam*.
3. Hue Tam Ho Tai (1992), *Radicalism and the Origins of the Vietnamese Revolution*.
4. Hue Tam Ho Tai (2001), *The Country of Memory: Remaking the Past in Late Socialist Vietnam*.
5. Hue Tam Ho Tai (1963), *Vietnam: A Dragon Embattled*, New York: Praeger.
6. Cuong T. Nguyen (1997), *Zen in Medieval Vietnam*, University of Hawai'i Press.
7. Ho Tai Hue Tam (2010), *Passion, Betrayal and Revolution in Colonial Saigon*, University of California Press.
8. Jonathan Huoi Xung Lee (nghiên cứu sinh, University of California, Santa Barbara) (2003), “Ancestral Veneration in Vietnamese Spiritualities”, *The Review of Vietnamese Studies*, Volume 3, No.1, 16 pages.
9. Joseph Buttinger (1958), *The Smaller Dragon: A Political History of Vietnam*, New York: Praeger.
10. K.W. Taylor & J.K. Whitmore (1995), *Essays into Vietnamese Pasts*, New York: Southeast Asia Program, Cornell University.
11. Keith W. Taylor (2013), *A History of the Vietnamese*, Cambridge University Press.
12. Wolters (1988), *Two essays on Đại-Việt in the Fourteenth Century*.
13. Philip Taylor (2008), *Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-Revolutionary Vietnam*, Lexington Books.
14. Shawn F. McHale (2003), *Print and Power: Buddhism, Confucianism, and Communism in the Making of Modern Vietnam*, Lexington Books.
15. W.J. Duiker (2000), *Ho Chi Minh*, Crows Nest, NSW: Allen & Unwin.